

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **22** /2014/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **19** tháng 5 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí đấu giá tài sản
và phí tham gia đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 12 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh phí, lệ phí số 38/2001/UBTVQH ngày 28 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư của Bộ Tài chính số 03/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá và lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề đấu giá tài sản.

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2014/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2014 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu phí đấu giá tài sản và phí tham gia đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí đấu giá tài sản và phí tham gia đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, cụ thể như sau:

1. Mức thu phí đấu giá tài sản đối với tổ chức, cá nhân có tài sản bán đấu giá: (trừ trường hợp bán đấu giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ nhà nước, đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất và các trường hợp do Hội đồng bán đấu giá tài sản thực hiện).

STT	Giá trị tài sản của một cuộc bán đấu giá	Mức thu (Đồng)
1	Dưới 50 triệu đồng	5% giá trị tài sản bán được.
2	Từ 50 triệu đến 1 tỷ đồng	2,5 triệu + 1,5% giá trị tài sản bán được quá 50 triệu.
3	Từ trên 1 tỷ đến 10 tỷ đồng	16,75 triệu + 0,2% giá trị tài sản bán được vượt 1 tỷ.
4	Từ trên 10 tỷ đến 20 tỷ đồng	34,75 triệu + 0,15% giá trị tài sản bán được vượt 10 tỷ.
5	Từ trên 20 tỷ đồng	49,75 triệu + 0,1% giá trị tài sản bán được vượt 20 tỷ. Tổng số phí không quá 300 triệu/cuộc đấu giá.

2. Mức thu phí tham gia đấu giá tài sản đối với tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá (trừ đấu giá quyền sử dụng đất)

STT	Giá trị tài sản	Mức thu (Đồng/hồ sơ)
1	Từ 20 triệu đồng trở xuống	50.000
2	Từ trên 20 triệu đồng đến 50 triệu đồng	100.000
3	Từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	150.000
4	Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	200.000
5	Trên 500 triệu đồng	500.000

3. Quản lý, sử dụng phí đấu giá và phí tham gia đấu giá:

* Đối với Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Quảng Trị:

- Phí đấu giá tài sản: Được trích lại 90% trên tổng số phí đấu giá tài sản thu được để thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

- Phí tham gia đấu giá tài sản: Được để lại 100 % trên tổng số tiền thu được từ phí tham gia đấu giá tài sản của tổ chức, cá nhân để thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định.

* Đối với đơn vị thu phí là doanh nghiệp bán đấu giá tài sản: Phí đấu giá tài sản và phí tham gia đấu giá tài sản là khoản thu không thuộc ngân sách nhà nước. Đơn vị thu phí có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật đối với số phí thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu phí sau khi đã nộp thuế

theo quy định của pháp luật. Hàng năm, đơn vị thu phí phải thực hiện quyết toán thuế đối với số phí thu được với cơ quan thuế theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Giám đốc Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các ngành liên quan hướng dẫn chi tiết việc thi hành Quyết định này.

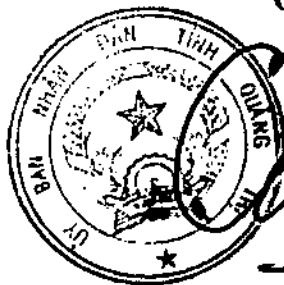
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/6/2014. Các quy định về phí trước đây của UBND tỉnh trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, Đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đối tượng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *h/*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (B/c);
- TV/Tỉnh ủy, TT/HĐND tỉnh (B/c);
- Cục KTVB-Bộ Tư pháp;
- CT, các Phó CT.UBND tỉnh;
- Các PVP
- Lưu: VT, TM.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *h/*



Nguyễn Đức Cường